

Bản án số: 96/2024/DS-PT

Ngày 27 tháng 8 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Bích Liễu

Ông Nguyễn Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Lê Đăng Phương Huệ – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DK, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị B, sinh năm 1962; Nơi cư trú: 43 Hải Đức, phường PS, thành phố Z. Địa chỉ liên lạc: 36 NBK, phường XH, thành phố Z. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 07/12 Nguyễn Quyền, phường VH, thành phố Z. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1954 và bà Trương Thị Túy P, sinh năm 1956; Đồng nơi cư trú: thôn Phú KT, xã DT, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa. (Ông K có mặt, bà P vắng mặt).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm Ngọc K:* Ông Trần Đình Lâm, luật sư – Văn phòng luật sư Trần Đình Lâm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: thôn Xuân Phú, xã ST, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Ngọc K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị B, ông Hoàng Anh T trình bày:* Do quan hệ quen biết, trước đây bà B và vợ chồng ông Phạm Ngọc K, bà Trương Thị Túy P là thông gia nên bà B đã nhiều lần cho vợ chồng ông K, bà P mượn tiền để bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 02/7/2023, ông K chốt lại tổng số

tiền còn nợ bà B là 550.000.000đồng và thời hạn thanh toán là ngày 02/9/2023. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán bà B đã nhiều lần liên lạc với ông K, bà P để yêu cầu trả tiền nhưng họ né tránh. Từ ngày 02/9/2023 cho đến nay ông K, bà P mới chỉ thanh toán cho bà B được 50.000.000đồng, còn lại số tiền 500.000.000đồng và số tiền lãi 37.083.000đồng (tính từ ngày 02/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/5/2024). Tổng số tiền ông K, bà P phải thanh toán là 537.083.000đồng.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Ngọc K hiện nay bà B đang giữ, khi nào ông K trả hết tiền gốc lãi cho bà B thì bà B sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bà B chỉ giữ làm tin chứ không đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản vay này.

Chứng cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Giấy mượn tiền đề ngày 02/7/2023, chữ viết trong giấy mượn tiền là do ông K viết tại nhà của nguyên đơn, ông K ký ghi rõ họ tên. Nội dung được ghi ở mặt sau của tờ giấy mượn tiền đề ngày 18/01/2020, mặt trước của tờ giấy mượn tiền này các bên đã tắt toán xong. Hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất trong giấy mượn tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Trương Thị Túy P nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này. Nguyên đơn không khiếu nại gì.

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Ngọc K trình bày:* Do quan hệ quen biết (trước đây ông và bà B là thông gia) nên ông có nhiều lần vay tiền của bà B để đáo hạn ngân hàng. Ông xác nhận ngày 18/01/2020 có vay của bà B số tiền 1.600.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Sau đó, ông đã nhiều lần trả nợ cho bà B, các lần trả nợ được thể hiện như sau: Đợt 1: tiền gốc 350.000.000đồng, tiền lãi: 100.000.000đồng; Đợt 2: tiền gốc 500.000.000đồng, tiền lãi 30.000.000đồng; Đợt 3: tiền gốc 400.000.000đồng, tiền lãi 27.000.000đồng. Ngày 18/02/2020, ông trả tiền gốc 350.000.000đồng, tiền lãi 24.000.000đồng. Các lần trả tiền ông đều trả tiền mặt và ghi vào giấy nhưng không nhớ ngày trả cụ thể. Đến ngày 18/02/2020 ông có ghi một tờ giấy xác nhận nợ của bà B với số tiền nợ lãi còn lại là 400.000.000đồng, còn nợ gốc thì ông đã trả xong nhưng ông không cung cấp được chứng cứ. Sau đó thì ông đã trả lãi cho bà B được 350.000.000đồng theo hình thức chuyển qua tài khoản bà B. Ông xác nhận hiện nay ông chỉ còn nợ của bà B số tiền 50.000.000đồng.

Số tiền chốt nợ 550.000.000đồng thể hiện tại giấy mượn tiền lập ngày 02/7/2023 do bà B cung cấp cho Tòa án là chữ ký và viết của ông. Vì ngày hôm đó ông xuống nhà bà B để chốt nợ và trao đổi trả các nợ trước đó thì bà B có thái độ lạt lọng và ép ông viết giấy nhận nợ ngày 02/7/2023 này. Khi đi xuống nhà bà B ông có dẫn theo cháu Nguyễn Phi L, sinh năm 1983, địa chỉ ở thôn Xuân P, xã St, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa. Thời điểm ông viết và ký ghi rõ họ tên tại giấy mượn tiền lập ngày 02/7/2023 chỉ có ông, ông L, bà B và con trai bà B. Ngoài ra không có ai khác. Ngoài ông L làm chứng thì ông không có chứng cứ gì khác về việc bà B ép ông ký giấy mượn tiền. Nay ông chỉ đồng ý thanh

toán cho bà B số tiền 50.000.000đồng, không đồng ý trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bà B.

Bà P là vợ của ông, tuy nhiên việc ông mượn tiền của bà B, sử dụng tiền mượn đều cho cá nhân ông, không liên quan gì đến bà P và ai khác. Bà P không biết ông mượn tiền và cũng không sử dụng số tiền ông mượn. Mục đích ông mượn tiền để đáo hạn ngân hàng cho cá nhân ông, không liên quan gì đến mục đích kinh doanh. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm bên bà B đã rút yêu cầu đối với bà P và đã được đình chỉ giải quyết nên ông không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông, hiện nay bà B giữ, do ông tự nguyện giao cho bà B khi mượn tiền trước đó. Ông chỉ giao để giữ làm tin chứ không đăng ký giao dịch bảo đảm cho khoản vay, đề nghị bà B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông.

* *Lời trình bày của bà Trương Thị Túy Pg trong hồ sơ thể hiện:* Bà là vợ của ông Phạm Ngọc K, trước đây bà và ông K là sui gia với bà Đinh Thị B. Nay bà B kiện ông K trả nợ thì bà có ý kiến là bà chỉ nghe ông K nói có mượn tiền của bà Bích để đáo hạn ngân hàng nhưng cụ thể như thế nào thì bà không biết, bà cũng không sử dụng số tiền mà ông K mượn và cũng không ký bất kỳ giấy tờ mượn tiền nào với bà Bích, việc bà Bích giao tiền cho ông K như thế nào bà cũng không biết nhưng bà xác định chữ viết, chữ ký trong tờ giấy ghi ngày 02/7/2023 là của ông K. Vì bà không biết, không mượn tiền, không nhận tiền, không sử dụng tiền của ông K mượn cho sinh hoạt của gia đình nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà B, nếu ông K có nợ thì ông K tự trả.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Phi L trình bày:*

Vào ngày 02/7/2023, ông và ông Phạm Ngọc K đến nhà bà B ở đường NBK, thành phố Z. Tại đây, giữa bà B và ông K phát sinh mâu thuẫn chuyện tiền bạc vay mượn, lời cãi gì đó thì bà B có dùng tay tát vào mặt ông K một cái nên ông và con trai bà B can ngăn. Hai bên tiếp tục nói chuyện, sau đó ông chứng kiến ông K viết và ký giấy mượn tiền đưa cho bà B giữ, lúc đầu ông K không đồng ý ký vì tiền lãi và thỏa thuận không đúng nhưng khi bà B nói ký giấy rồi thì khi trả tiền trừ ra phần nào đã trả mà có giấy tờ chứng minh nên ông K đồng ý và ký giấy rồi cả hai ra về. Ông cam đoan lời khai đúng sự thật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DK, tỉnh Khánh Hòa đã:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trương Thị Túy P.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Ngọc K trả cho bà Đinh Thị B 537.083.000đồng. (*Năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng*).

- Bà Đinh Thị B trả lại cho ông Phạm Ngọc K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Ch01071 do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho ông Phạm Ngọc K ngày 26/10/2016

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự. Ngày 11/6/2024, bị đơn ông Phạm Ngọc K kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Ngọc K kháng cáo đề nghị: xem xét lại số tiền thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn, theo bị đơn không phải còn nợ số tiền 550.000.000đồng theo nội dung trong giấy mượn tiền đề ngày 02/7/2023, giấy này do bị đơn bị ép viết và ký. Bị đơn xác nhận có mượn nguyên đơn số tiền 1.600.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng và đã trả cho nguyên đơn làm nhiều đợt, tính đến ngày 02/9/2023, bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc K không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Về án phí: Ông Phạm Ngọc K phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 29/5/2024, Tòa án nhân dân huyện DK xét xử vụ án. Ngày 11/6/2024, bị đơn ông Phạm Ngọc K kháng cáo. Như vậy, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn, bà Đinh Thị B đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Trương Thị Túy P. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn, ông Phạm Ngọc K thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 02/7/2023 do nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án có nội dung: “*Tổng số tiền nợ là 550.000.000đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng), từ đây*

đến tháng 9 là bà B không tính lãi, nếu không thực hiện như đã hứa tôi xin chịu đóng lãi cho bà B. Sau thời gian đã hứa tôi sẽ đóng lãi cho bà Bích” là do ông tự viết và ký tên. Tuy nhiên, ông K lại cho rằng ông viết giấy này do bị nguyên đơn đe dọa, ép buộc nhưng theo lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Phi L (là người mà ông K nhờ đi cùng đến nhà bà B ngày 02/7/2023) xác định tuy hai bên nguyên đơn, bị đơn có kinh cãi, mâu thuẫn nhưng sau đó hai bên đã ngồi lại thỏa thuận và ông K tự viết giấy mượn tiền, giao cho bà B giữ (bản gốc). Điều này thể hiện các bên tự nguyện thỏa thuận và nội dung giấy mượn tiền đề ngày 02/7/2023 có giá trị thực hiện cho các bên. Tính đến thời điểm này, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000đồng tiền gốc. Mặc dù tại giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận về mức lãi suất, tuy nhiên theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số nợ gốc 500.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Ngọc K phải trả cho bà Đinh Thị B số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng và tiền lãi 37.083.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Ngọc K không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn về các nội dung nêu trên là không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phạm Ngọc K phải trả cho bà Đinh Thị B 537.083.000đồng. (Năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng) (Trong đó: tiền gốc 500.000.000đồng, tiền lãi: 37.083.000đồng).

2. Bà Đinh Thị B trả lại cho ông Phạm Ngọc K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01071 do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho ông Phạm Ngọc K ngày 26 tháng 10 năm 2016.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trương Thị Túy P. Hậu quả của việc đình chỉ theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc K phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001356 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

** Quy định chung:*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện DK;
- Chi cục THADS huyện DK;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trung Tín**

Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 80/2024/TLPT-DS ngày 23/7/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Bích, sinh năm 1962; Nơi cư trú: 43 Hải Đức, phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang. Địa chỉ liên lạc: 36 Nguyễn Bình Khiêm, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Tuấn, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 07/12 Nguyễn Quyền, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang.

* *Bị đơn*: Ông Phạm Ngọc Kế, sinh năm 1954 và bà Trương Thị Túy Phượng, sinh năm 1956; Đồng nơi cư trú: thôn Phú Khánh Trung, xã Diên Thạnh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Ý kiến của Thẩm phán Liễu:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Thẩm phán Tín: Đồng ý với ý kiến của Thẩm phán Liễu

Thẩm phán chủ tọa đồng ý với ý kiến của các Thẩm phán

Kết quả biểu quyết: 3/3 Thống nhất

2. Về các vấn đề giải quyết vụ án:

Ý kiến của Thẩm phán Liễu:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc Kế; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phạm Ngọc Kế phải trả cho bà Đinh Thị Bích 537.083.000đồng. (*Năm trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng*) (Trong đó: tiền gốc 500.000.000đồng, tiền lãi: 37.083.000đồng).

- Bà Đinh Thị Bích trả lại cho ông Phạm Ngọc Kế bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số

CH01071 do Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp cho ông Phạm Ngọc Kế ngày 26 tháng 10 năm 2016.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trương Thị Túy Phượng. Hậu quả của việc đình chỉ theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Thẩm phán Tín: Đồng ý với ý kiến của Thẩm phán Liễu

Thẩm phán chủ tọa đồng ý với ý kiến của các Thẩm phán

Kết quả biểu quyết: 3/3 Thống nhất

3. Về án phí:

Ý kiến của Thẩm phán Liễu: Ông Phạm Ngọc Kế phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001356 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Ông Kế đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến của Thẩm phán Tín: Đồng ý với ý kiến của Thẩm phán Liễu

Thẩm phán chủ tọa đồng ý với ý kiến của các Thẩm phán

Kết quả biểu quyết: 3/3 Thống nhất

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA